

Bản án số: 170 /2021/DS – PT

Ngày: 10/12/2021

V/v “T/c thừa kế tài sản và hợp đồng  
chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

*Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Bích Hải

*Các Thẩm phán:* Bà Phan Thị Hồng Dung.

Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 183/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 07 năm 2021 về việc “*Tranh chấp thừa kế và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 89/2020/DS-ST ngày 04/06/2021 của Tòa án nhân dân huyện Th.L. bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 275/2021/QĐ - PT ngày 01 tháng 09 năm 2021, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* 1. Ông Trần N.A., sinh năm 1962

2. Bà Trần T.Q., sinh năm 1950

Cùng địa chỉ: ấp T.P.2, xã T.Th., huyện Th.L., TP. Cần Thơ.

Địa chỉ: ấp T.P.2, xã T.Th., huyện Th.L., thành phố Cần Thơ.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần T.Q.:* Ông Nguyễn Châu Chí Cường – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Cần Thơ.

\* *Bị đơn:* Ông Trần H.S., sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp T.P.2, xã T.Th., huyện Th.L., thành phố Cần Thơ.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần H.S.:* Luật sư Lê Văn Cẩm – Văn phòng luật sư Năm C.Th.ộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần H.H., sinh năm 1952

Địa chỉ: ấp T.P.2, xã T.Th., huyện Th.L., thành phố Cần Thơ.

2. Bà Trần C.Th., sinh năm 1957

Địa chỉ: ấp Định Phước, xã Đ.M, huyện Th.L., TP. Cần Thơ.

3. Bà Trần C.L., sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp T.A., xã P.H., huyện L.V., tỉnh Đồng Tháp.

4. Ông Phạm Ch.Th, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp Th.K, xã T.Th., huyện Th.L., TP. Cần Thơ.

*Đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn S.K., sinh năm 1952

Địa chỉ: 12 T.B.Đ, phường A.K., quận N.K., thành phố Cần Thơ.

5. Văn phòng công chứng Đ.N.(nay là Văn phòng công chứng N.V.B.)

*Người đại diện hợp pháp:* Ông N.V.B..

Địa chỉ: ấp Th.K A, xã T.Th., huyện Th.L., thành phố Cần Thơ.

6. Ông Nguyễn V.T..

7. Ông Nguyễn V.Th..

Cùng địa chỉ: ấp T.P.2, xã T.Th., huyện Th.L., TP. Cần Thơ.

*Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trần T.Q..

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Trần T.Q. trình bày:* Cha của bà là ông Trần V.B.(chết năm 1986), mẹ là bà Ngô T.X.(chết năm 2017), có 06 người con là Trần T.Q., sinh năm 1950, Trần H.H., sinh năm 1952, Trần C.Th., sinh năm 1957, Trần N.A., sinh năm 1962, Trần C.L., sinh năm 1965 và Trần H.S., sinh năm 1967. Khi còn sống, ông B., bà X. tạo lập được một số thửa đất, do bà Ngô T.X.đứng tên quyền sử dụng đất:

- Thửa 515, tờ bản đồ số 9, có diện tích 7.690m<sup>2</sup>, tọa lạc ấp T.P.2, xã T.Th., huyện Th.L., thành phố Cần Thơ;

- Thửa 516, tờ bản đồ số 9, có diện tích 7.430m<sup>2</sup>, tọa lạc ấp T.P.2, xã T.Th., huyện Th.L., thành phố Cần Thơ;

- Thửa 518, tờ bản đồ số 9, có diện tích 6.000m<sup>2</sup>, tọa lạc ấp T.P.2, xã T.Th., huyện Th.L., thành phố Cần Thơ.

Khi cha mẹ còn sống có cho bà 03 công đất ruộng tầm 3m thuộc thửa 516, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp T.P.2, xã T.Th., huyện Th.L., thành phố Cần Thơ và 01 nền nhà có chiều ngang 4m, chiều dài 10m thuộc thửa 518, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp T.P.2, xã T.Th., huyện Th.L., thành phố Cần Thơ. Mặc dù chưa làm giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất nhưng các anh chị em trong gia đình đều biết. Cha mẹ bà chết không để lại di chúc. Các thửa đất trên do Trần H.S. quản lý và canh tác. Nay bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với ông Trần H.S. và buộc ông S. chia cho bà diện tích đất nêu trên như cha mẹ bà đã cho khi còn sống.

*Nguyên đơn ông Trần N.A. trình bày:* Ông thống nhất với phần trình bày của bà Q. về quan hệ thừa kế và di sản thừa kế. Khi cha mẹ còn sống có cho ông 03 công đất ruộng tầm 3m (xổ xuôi) thuộc thửa 515, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp T.P.2, xã T.Th., huyện Th.L., thành phố Cần Thơ và 01 khuôn bờ tương đương 1,5 công thuộc thửa 518, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp T.P.2, xã T.Th., huyện Th.L., thành phố Cần Thơ. Mặc dù chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng các anh chị em trong gia đình đều biết.

Khi cha mẹ ông chết không để lại di chúc. Các thửa đất trên do Trần H.S. quản lý và canh tác. Nay ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với ông Trần H.S. và buộc ông S. chia cho ông diện tích đất nêu trên.

Ngày ông S. chở mẹ đi làm Di chúc, ông không biết. Mẹ ông về nói lại với ông đi bệnh viện nhưng không có thuốc uống nên ông có làm đơn ngăn chặn di chúc ở xã T.Th., theo ông được biết thì mẹ ông bị bà Th. cầm tay lẫn vào văn bản.

*Ngày 01/9/2020, bà Q. và ông A. có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu tuyên bố Di chúc của bà Ngô T.X.lập ngày 04/6/2014 tại Văn phòng công chứng Đ.N.vô hiệu do có dấu hiệu giả tạo và vi phạm pháp luật về thừa kế*

*Bị đơn ông Trần H.S. trình bày:* Ông thống nhất với phần trình bày của bà Q. về quan hệ thừa kế và những thửa đất do cha mẹ ông tạo lập. Tuy nhiên, vào ngày 04/10/2016, bà Ngô T.X.đã làm Di chúc (có công chứng, chứng thực và người làm chứng) phân chia cụ thể. Nay ông đồng ý chia theo di chúc ngày 04/10/2016: quyền sử dụng đất tại thửa 515, 516, 518 được định đoạt với nội dung cụ thể như sau: Trần N.A., sinh năm 1962 – hưởng tài sản là: Thửa 515, tờ bản đồ 09, diện tích 3788m<sup>2</sup> phần đất giáp ranh thửa 162; Thửa 518, tờ bản đồ số 09, diện tích 610m<sup>2</sup> giáp ranh với Hiệp và Song. Trần H.H., sinh năm 1952 – hưởng tài sản là: Thửa 518, tờ bản đồ 09, diện tích 1020m<sup>2</sup> phần đất giáp ranh thửa 512. Trần T.Q., sinh năm 1950 – hưởng tài sản là: Thửa 515, tờ bản đồ 09, diện tích 2592m<sup>2</sup> phần đất giáp ranh với Ân và Song. Trần H.S., sinh năm 1967 – hưởng tài sản là: phần còn lại của thửa 515, phần còn lại của thửa 518 và thửa 516.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần H.H. trình bày:* Ông thống nhất với phần trình bày của ông A. và bà Q. về quan hệ thừa kế và di sản thừa kế và

thống nhất với yêu cầu của ông A., bà Q.. Khi cha mẹ còn sống có cho ông 01 nền nhà không rõ diện tích thuộc thửa 518, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp T.P.2, xã T.Th., huyện Th.L., thành phố Cần Thơ. Mặc dù chưa làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng các anh chị em trong gia đình đều biết.

Đối với diện tích đất bờ của ông A. yêu cầu chia thì ông có ý kiến như sau: Khi cha ông còn sống có cho Ân 03 công ruộng và một phần bờ, phần bờ còn lại cho Song. Đến khoảng năm 2012, mẹ ông có ra chỉ ranh bờ chia cho Ân có người làm chứng là bà Hai Bồi và bà Tám Thuận.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần C.Th. trình bày:* Bà thống nhất với phần trình bày của ông A. và bà Q. về quan hệ thừa kế và những thửa đất do cha mẹ tạo lập. Khi cha bà còn sống, bà được biết cha có cho ông H. và ông A. 01 nền nhà, còn việc cho đất ruộng thì không biết.

Nay các anh em tranh chấp thừa kế thì bà không yêu cầu chia, chỉ yêu cầu chia cho ông A., ông H., ông S., bà Q. theo tờ Di chúc ngày 04/10/2016. Khi mẹ lập di chúc có mặt bà, mẹ còn minh mẫn, không bị ép buộc và đó là ý nguyện của mẹ.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần C.L. trình bày:* Bà thống nhất với phần trình bày của ông A. và bà Q. về quan hệ thừa kế, những thửa đất do cha mẹ tạo lập và yêu cầu chia thừa kế của ông A., ông H. và bà Q., không chia theo di chúc.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ch.Th trình bày:* Vào ngày 5/5/2000, bà Ngô T.X.và các con là ông A., ông H. và ông S. có cho ông 03 công đất ruộng tầm 3m = 3.900m<sup>2</sup> (thuộc một phần thửa 516 với diện tích 7.430m<sup>2</sup>) với giá 32 chỉ vàng 24k. Hai bên thỏa thuận vị trí đất là xẻ xuôi kênh thủy lợi đến giáp ranh đất ông Bình, giáp ranh với đất ông Ba Hiệp, ông Phong, ông Bình và kênh thủy lợi.

Ngày 22/5/2007, ông Trần N.A. cùng vợ là bà Trịnh Thị Th.T. thỏa thuận với ông là chuyển nhượng phần đất đã có với giá 35 chỉ vàng 24k/công tầm 3m, 03 công là 105 chỉ. Ông hỏi bà X. phần đất này của ai thì bà X. nói đã cho ông A. nên ông A. có quyền sang bán hay cầm cố gì tùy ý nên ông đồng ý mua và giao thêm 25 chỉ vàng 24k, hẹn khi nào sang tên xong thì giao luôn phần còn lại.

Ngày 24/3/2008, ông A. và ông H. đến nhà ông nói cần tiền chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để sang tên cho ông, bà X. cũng khẳng định đất này đã cho ông A. và không có ý kiến phản đối nên ông đã giao thêm 30 chỉ vàng, tổng cộng 03 lần giao vàng là 87 chỉ vàng 24k (vàng cổ đất 32 chỉ, vàng chuyển nhượng giao 2 lần là 55 chỉ).

Từ năm 2000 đến nay, ông canh tác phần đất trên theo vị trí thỏa thuận không ai có ý kiến gì. Khi bà X. qua đời, ông Trần H.S. cản trở cho rằng vị trí đất bà X. cho ông A. là chia ngang không phải xẻ xuôi, gây khó khăn trong việc canh tác vì không có đường nước dẫn vào.

Ban nhân dân ấp T.P.2 hòa giải, ông S. đồng ý xẻ xuôi theo thỏa thuận ban đầu nhưng thực tế ông S. không thực hiện. Nay ông yêu cầu các con của Xinh tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích  $3.900\text{m}^2$  (thuộc một phần thửa 516 với diện tích  $7.430\text{m}^2$ ) tọa lạc tại ấp T.P.2, xã T.Th., huyện Th.L., thành phố Cần Thơ, vị trí theo thỏa thuận trong hợp đồng để hai bên có đường nước canh tác và yêu cầu ông S. bồi thường thiệt hại vụ Đông xuân 2017-2018 đến nay do không canh tác được với giá  $3.000.000 \text{ đồng/công} \times 3 \text{ công} = 9.000.000 \text{ đồng}$  (theo giá thuê tại địa phương).

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng N.V.B. có ông N.V.B. là người đại diện trình bày:* Vào ngày 04/10/2016, tại văn phòng công chứng N.V.B. đã công chứng di chúc của bà Nguyễn Thị Xinh, nội dung văn bản được công chứng là đúng quy định của pháp luật, tại thời điểm lập di chúc bà X. hoàn toàn minh mẫn, ý chí nguyện vọng của bà X. được lập thành di chúc và có người làm chứng. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại bản án sơ thẩm số 89/2021/DS-ST ngày 04/06/2021 của Tòa án nhân dân huyện Th.L. đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần N.A., bà Trần T.Q..
2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần H.S..
3. Công nhận Di chúc do bà Ngô T.X. lập ngày 04/10/2016 là hợp pháp. Công nhận quyền hưởng di sản theo di chúc và sự tự nguyện chia di sản ngoài nội dung di chúc cho bà Trần T.Q., ông Trần N.A., ông Trần H.H., ông Trần H.S. (theo Mạnh trích đo địa chính số 042019 và 052019 ngày 19/9/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Th.L.): Thửa 518: Giao cho ông Trần H.H. sử dụng diện tích  $1178,5\text{m}^2$ ; Giao cho ông Trần N.A. sử dụng diện tích  $626,6\text{m}^2$ ; Giao cho bà Trần T.Q. sử dụng diện tích  $39,9\text{m}^2$ ; Giao cho ông Trần H.S. sử dụng diện tích  $4.211,8\text{m}^2$ . Thửa 516: Giao cho ông Trần H.S. sử dụng diện tích  $7.296,4\text{m}^2$ . Thửa 515: Giao cho bà Trần T.Q. diện tích  $2.592\text{m}^2$  tại vị trí 4, 5 và 6A. Giao cho ông Trần H.S. sử dụng diện tích  $1.488\text{m}^2$  tại vị trí 6.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Phạm Ch.Th. Buộc ông Trần N.A., ông Trần H.S. giao cho ông Th. diện tích  $3.900,2\text{m}^2$  thuộc thửa 515 vị trí 1, 2, 3 theo Mạnh trích đo địa chính số 052019 ngày 19/9/2019 của Chi nhánh văn phòng

đăng ký đất đai huyện Th.L.. Không chấp nhận yêu cầu ông Trần H.S. bồi thường số tiền 30.000.000đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 18/06/2021, nguyên đơn bà Trần T.Q. có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét:

1/ Tuyên bố di chúc do bà Ngô T.X.lập ngày 04/10/2016 là vô hiệu do xác lập trái pháp luật về thừa kế và thể hiện không đúng di nguyện của ông Trần Văn Bảy, bà Ngô Thị Xinh.

2/ Yêu cầu chia cho bà Q. diện tích 316m<sup>2</sup> (CLN) tại thửa 518 theo Mảnh trích đo địa chính số 04/2019 ngày 19/9/2019 của Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện Th.L..

3/ Yêu cầu chia cho bà Q. diện tích 2240,9m<sup>2</sup> (LUA) tại thửa 516 theo Mảnh trích đo địa chính số 05/2019 ngày 19/9/2019 của Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện Th.L..

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

*Nguyên đơn bà Trần T.Q. trình bày:* Bà Q. vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị tuyên bố di chúc do bà Ngô T.X.lập ngày 04/10/2016 là vô hiệu; yêu cầu được chia đất 316m<sup>2</sup> tại thửa 518, do vị trí này gần với nhà của ông A., ông H.; yêu cầu được chia diện tích 2240,9m<sup>2</sup> (LUA) tại thửa 516 theo Mảnh trích đo địa chính số 05/2019 ngày 19/9/2019 của Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện Th.L..

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần T.Q.- Trợ giúp viên ông Nguyễn Châu Chí Cường trình bày:* Về phần diện tích đất bà Q. được chia theo quyết định của bản án sơ thẩm đã đảm bảo quyền lợi cho bà Q. theo như di chúc của bà X.. Tại phiên tòa, phía bị đơn đã cho tăng thêm phần diện tích nền nhà 60m<sup>2</sup> và chừa đường đi vào khu mộ cho các anh em trong gia đình thuận tiện trong việc thờ cúng ông bà. Đề nghị HĐXX xem xét ghi nhận.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần H.S. – Luật sư Lê Văn Cẩm trình bày:* Cấp sơ thẩm đã xét xử có lợi cho bà Trần T.Q. đối với phần tài sản được chia. Về phần diện tích đất là đúng với di chúc, về phần nhà được chia là ngoài nội dung di chúc. Nay bà Q. kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ mới nên yêu cầu được chia thêm đất diện tích 316m<sup>2</sup> tại thửa 318 là không có cơ sở. Tuy nhiên, tại tòa ông S. đồng ý cho bà Q. thêm diện tích nền nhà với chiều dài là 15m, chiều ngang 4m, khoảng sân phía trước nhà bà Q. được sử dụng làm lối đi ra lộ giao thông. Đối với phần đường đi vào mộ, ông S. chừa lối đi chiều ngang 1,5m, chiều dài từ mặt giáp đường giao thông cho đến khu mộ để cho các anh chị em thuận tiện ra vào hương khói cho ông bà. Đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận ý chí của ông S..

*Ông Trần N.A. trình bày:* Ông không có ý kiến gì đối với phần tài sản của ông được chia; ông A. không đồng ý với lời trình bày của luật sư Cẩm, đất này là của ông

bà để lại nên ông A. đề nghị chia cho bà Q. 1.800m<sup>2</sup> tại thửa 516 để bà Q. thuận tiện trong việc canh tác.

*Bà Trần C.L. trình bày:* Bà không có ý kiến gì về quyết định của bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, bà L. cho rằng bà Q. là chị lớn trong gia đình có nhiều công sức nuôi dưỡng cha, mẹ và anh em nên đề nghị xem xét cho bà Q. diện tích đất 316m<sup>2</sup> tại thửa 518 vị trí này gần với ông A. và chia cho bà Q. 1.800m<sup>2</sup> tại thửa 516 vì phần đất này giáp lộ để bà Q. canh tác được thuận lợi.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, đương sự và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Nhận thấy, ông Trần V.B.(chết năm 1986) và bà Ngô T.X.(chết năm 2017). Quá trình chung sống, ông bà có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 7.690, thửa 515, loại đất LUA; diện tích 7.430m<sup>2</sup>, thửa 516, loại đất LUA và thửa 518 diện tích 6.000m<sup>2</sup>, loại CLN. Các thửa đất này thuộc tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại ấp T.P.2, xã T.Th., huyện Th.L., thành phố Cần Thơ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 001016 ngày 05/11/1991 do bà Ngô T.X. đứng tên. Tuy thời điểm ông B. còn sống các thửa đất trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng các con của ông B., bà X. đều thừa nhận tài sản trên do ông bà tạo lập khi ông B. còn sống. Theo luật hôn nhân và gia đình năm 1959, có cơ sở xác định đây là tài sản chung của ông bà, khi ông B. chết thì ½ khối tài sản trên đã phát sinh thừa kế. Ngày 04/10/2016, bà X. lập di chúc chia tài sản cho 04 người con gồm bà Q., ông H., ông A., ông S., trong nội dung di chúc định đoạt luôn cả phần của ông B.. Căn cứ theo Bộ luật dân sự năm 2005 thì di chúc không hợp pháp đối với phần ông B., mà chỉ có hiệu lực đối với phần của bà X.. Tòa án căn cứ vào Bộ luật dân sự năm 2015 để đánh giá tính hợp pháp của di chúc là sai, vì di chúc được lập tại thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005. Những người thừa kế gồm: bà Q., ông H., ông A. và bà L. cho rằng di chúc không hợp pháp và có yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, chia thừa kế theo pháp luật, nhưng sau khi xét xử sơ thẩm chỉ có bà Q. kháng cáo, nên chỉ xem xét kháng cáo của bà Q.. Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Q. được nhận diện tích 2240,9m<sup>2</sup> (LUA) tại thửa 516, đây là phần ông S. đang canh tác; phần đất cấp sơ thẩm chia cho bà Q. vị trí thuận lợi cho việc canh tác, sử dụng và lớn hơn phần đất bà Q. yêu cầu được chia. Để đảm bảo quyền lợi cho bà Q. nên giữ nguyên quyết định sơ thẩm đối với phần này. Phần bà Q. yêu cầu được nhận 316m<sup>2</sup> (CLN) tại thửa 518, các đương sự đều thừa nhận phần đất này ông S. đang quản lý, trồng cây trên đất, có nhà thờ do cha mẹ để lại và một phần mộ của người thân. Do đó, không thể chia phần đất này cho bà Q. như yêu cầu kháng cáo. Tại phiên tòa, ông S. tự nguyện làm lối đi chung ngang 1,5m vào đến khu mộ cho anh, chị em trong gia đình thuận tiện viếng mộ và tự nguyện chia cho bà Q. chiều ngang 4m chiều dài 15m, tổng diện tích 60m<sup>2</sup> (CLN) thửa 518 vị trí giáp thửa 519, bên trái tính từ lộ giao thông

nông thôn nhìn vào, tình từ vị trí giáp hành lang an toàn sông kéo dài ra phía sau 15m đủ diện tích 60m<sup>2</sup>, phần đất phía trước là hành lang an toàn sông, ông S. để cho bà Q. làm lối đi. Từ các cơ sở trên, để đảm bảo quyền lợi cho bà Q. nên không cần thiết tuyên bố một phần di chúc liên quan đến di sản của ông B. vô hiệu, mà chỉ sửa án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của ông S.. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Q..

- Sửa bản án sơ sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn chia cho bà Q. tổng diện tích 60m<sup>2</sup> (CLN) thửa 518, vị trí chiều ngang, chiều dài như nêu trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của nguyên đơn bà Trần T.Q. thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung yêu cầu kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần T.Q. có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét: Tuyên bố di chúc do bà Ngô T.X.lập ngày 04/10/2016 là vô hiệu do xác lập trái pháp luật về thừa kế và thể hiện không đúng di nguyện của ông Trần Văn Bảy, bà Ngô Thị Xinh. Yêu cầu chia cho bà Q. diện tích 316m<sup>2</sup> (CLN) tại thửa 518 theo Mảnh trích đo địa chính số 04/2019 ngày 19/9/2019 của Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện Th.L.. Yêu cầu chia cho bà Q. diện tích 2240,9m<sup>2</sup> (LUA) tại thửa 516 theo Mảnh trích đo địa chính số 05/2019 ngày 19/9/2019 của Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện Th.L..

[3] Xét về hàng thừa kế của ông Trần V.B.(chết năm 1986) và bà Ngô T.X.(chết năm 2017), các đương sự đều thống nhất ông B. và bà X. có 06 người con chung là bà Trần T.Q., ông Trần H.H., Trần C.Th., ông Trần N.A., bà Trần C.L., và ông Trần H.S..

Về di sản thừa kế: Theo tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các bên xác định di sản thừa kế gồm quyền sử dụng đất: Thửa 515, tờ bản đồ số 9, có diện tích 7.690m<sup>2</sup>; Thửa 516, tờ bản đồ số 9, có diện tích 7.430m<sup>2</sup> (trừ diện tích 3.900m<sup>2</sup> thuộc thửa 516 đã chuyển nhượng cho ông Phạm Ch.Th); Thửa 518, tờ bản đồ số 9, có diện tích 6.000m<sup>2</sup>, cùng tọa lạc tại ấp T.P.2, xã T.Th., huyện Th.L., thành phố Cần Thơ.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần T.Q. yêu cầu tuyên bố di chúc do bà Ngô T.X.lập ngày 04/10/2016 là vô hiệu, nhận thấy: Các đương sự trong vụ án đều khẳng định tài sản đang tranh chấp chia thừa kế là tài sản chung của ông Trần V.B.và bà Ngô Thị Xinh, gồm các thửa 515,516,518. Thời điểm ông B. còn sống ba thửa đất nêu trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng

các thửa đất này có trong thời kỳ hôn nhân giữa hai ông B., bà X. còn đang tồn tại. Sau khi ông B. mất, vào ngày 05/11/1991 bà Ngô T.X. đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 001016, thời điểm này không bắt buộc vợ chồng cùng đứng tên trên giấy. Theo Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959, thì vợ chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và có sau khi xác lập hôn nhân. Xét thấy, năm 1991 bà X. đứng tên trên giấy các con bà không ai có ý kiến gì nhưng đây không phải là tài sản riêng của bà X.. Do đó khi ông B. chết thì ½ khối tài sản trên đã phát sinh thừa kế.

Xét tại thời điểm lập di chúc 04/10/2016, bà X. chia các tài sản trên cho 04 người con gồm bà Q., ông H., ông A., ông S. bao gồm cả phần của ông B., di chúc được công chứng chứng thực. Căn cứ theo Điều 652, Điều 653, Điều 667 BLDS năm 2005 thì di chúc này không hợp pháp đối với phần ông B. mà chỉ có hiệu lực đối với phần bà X.. Tòa cấp sơ thẩm căn cứ BLDS năm 2015 để xác định tính hợp pháp của di chúc là không đúng, vì di chúc được lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự khác không kháng cáo chỉ có bà Q. kháng cáo nên cấp phúc thẩm xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Q..

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, theo diện tích đất cấp sơ thẩm chia cho bà Q. được hưởng 2.592m<sup>2</sup> tại thửa 515 nhiều hơn so với yêu cầu kháng cáo đề nghị xem xét là 2240,4m<sup>2</sup> tại thửa 516 là phần đất ông S. đang canh tác. Tại phiên tòa, bà Q. thay đổi một phần kháng cáo, đồng thời ông A., bà L. yêu cầu xem xét chia cho bà Q. 1,800m<sup>2</sup> tại thửa 516. Xét thấy, vị trí diện tích đất cấp sơ thẩm buộc ông S. giao cho bà Q. tại thửa 515 có mặt tiền là bờ kinh thủy lợi, có đường nước thuận lợi trong việc canh tác đất lúa là đảm bảo quyền lợi cho bà Q. nên cấp phúc thẩm giữ nguyên phần quyết định này của cấp sơ thẩm. Đối với phần bà Q. kháng cáo yêu cầu được chia 316m<sup>2</sup> (CLN) tại thửa 518. Tại phiên tòa, các đương sự xác nhận phần đất này ông S. đang quản lý và trồng cây, có nhà thờ do cha mẹ để lại, có khu mộ người thân trong gia đình. Cấp phúc thẩm xét thấy không thể chia phần đất này theo như yêu cầu kháng cáo của bà Q.. Tuy nhiên, phía bị đơn tự nguyện chia thêm cho bà Q. phần diện tích nền nhà chiều ngang 4m, chiều dài 15m, tổng cộng là 60m<sup>2</sup> tại thửa 518 có vị trí giáp thửa 519, tính từ bên trái lộ giao thông nông thôn nhìn vào tính từ vị trí giáp mặt tiền hành lang an toàn sông kéo dài ra phía sau 15m và đồng ý cho bà Q. được sử dụng phần diện tích phía trước hành lang an toàn toàn sông để làm đường đi cho đến hết đời nên cần ghi nhận. Xét thấy di chúc bà X. lập có một phần không hợp pháp nhưng do diện tích bà Q. đã được chia theo quyết định của bản án sơ thẩm nhiều hơn so với yêu cầu kháng cáo của bà nên không cần thiết tuyên bố nội dung di chúc phần

ông B. vô hiệu vì không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Q.. Do vậy, ghi nhận ý chí tự nguyện của ông S. như đề nghị của người bảo vệ quyền lợi của bà Q. và của Viện kiểm sát là có cơ sở.

Về việc ông S. tự nguyện chừa ra 1,5m đường đi thẳng vào khu mộ để cho các thành viên trong gia đình ra vào hương khói cho người thân đây là ý chí tự nguyện của ông S. nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ các cơ sở trên yêu cầu kháng cáo của bà Q. là không có cơ sở chấp nhận. Xét thấy, quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên sửa án theo hướng ghi nhận ý kiến tự nguyện của ông S.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Q. thuộc trường hợp được miễn án phí

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần T.Q..

Sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận ý kiến tự nguyện của ông Trần H.S..

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần N.A., bà Trần T.Q..
2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần H.S..
3. Công nhận Di chúc do bà Ngô T.X.lập ngày 04/10/2016 là hợp pháp. Công nhận quyền hưởng di sản theo di chúc và sự tự nguyện chia di sản ngoài nội dung di chúc cho bà Trần T.Q., ông Trần N.A., ông Trần H.H., ông Trần H.S. (theo Mạnh trích đo địa chính số 042019 và 052019 ngày 19/9/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Th.L.): Thửa 518: Giao cho ông Trần H.H. sử dụng diện tích 1178,5m<sup>2</sup>; Giao cho ông Trần N.A. sử dụng diện tích 626,6m<sup>2</sup>; Giao cho ông Trần H.S. sử dụng diện tích 4.211,8m<sup>2</sup>. Thửa 516: Giao cho ông Trần H.S. sử dụng diện tích 7.296,4m<sup>2</sup>. Thửa 515: Giao cho bà Trần T.Q. diện tích 2.592m<sup>2</sup> tại vị trí 4, 5 và 6A. Giao cho ông Trần H.S. sử dụng diện tích 1.488m<sup>2</sup> tại vị trí 6.

Ghi nhận ông Trần H.S. giao cho bà Trần T.Q. được quyền sử dụng diện tích nền nhà chiều ngang 4m, chiều dài 15m, tổng cộng là 60m<sup>2</sup> tại thửa 518 có vị trí giáp thửa 519, tính từ bên trái lộ giao thông nông thôn nhìn vào tính từ vị trí giáp mặt tiền hành lang an toàn sông kéo dài ra phía sau 15m; bà Q. được sử dụng phần diện tích phía trước hành lang an toàn toàn sông để làm lối đi (theo Mạnh trích đo địa chính số 042019 ngày 19/9/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Th.L.):

Ghi nhận ông S. chừa lối đi vào khu mộ gia đình chiều ngang 1,5m chiều dài đến khu mộ vị trí tại thửa 518 tính từ bên phải lộ giao thông nông thôn nhìn vào, vị trí

giáp với phần diện tích đất giao cho ông Trần N.A. tại thửa 518. (theo Mạnh trích đo địa chính số 042019 ngày 19/9/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Th.L.):

4. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Phạm Ch.Th. Buộc ông Trần N.A., ông Trần H.S. giao cho ông Th. diện tích 3.900,2m<sup>2</sup> thuộc thửa 515 vị trí 1, 2, 3 theo Mạnh trích đo địa chính số 052019 ngày 19/9/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Th.L.. Không chấp nhận yêu cầu ông Trần H.S. bồi thường số tiền 30.000.000đồng.

Các đương sự ông Trần N.A., ông Trần H.S., ông Trần H.H., bà Trần T.Q., ông Phạm Ch.Th được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với phần đất được giao trên theo quy định.

5. Về chi phí tố tụng: chi phí thẩm định tài sản tranh chấp là 10.500.000đồng: ông A., bà Q. phải chịu 7.500.000đồng (đã nộp xong). Ông A. và ông S. mỗi người phải chịu 1.500.000đồng và ông A., ông S. có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Th..

6. Về án phí dân sự:

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông A., bà Q., ông H. được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Ông S. phải chịu 51.638.484đồng. Ông Phạm Ch.Th phải chịu 1.500.000đồng, căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, ông Th. được nhận lại 5.325.000đồng theo biên lai thu số 002651 ngày 19/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th.L..

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Q. không phải nộp

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện KSND thành phố Cần Thơ;
- Cục T.H.A.DS thành phố Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân huyện Th.L.;
- Chi cục T.H.A DS huyện Th.L.;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Bích Hải**